

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

/TT-BCT

Hà Nội, ngày

tháng

năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của
Pháp lệnh Quản lý thị trường

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Chương trình công tác năm 2021 của Chính phủ, Bộ Công Thương được giao chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan soạn thảo dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường (sau đây xin được gọi tắt là Dự thảo Nghị định) thay thế Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại Nghị định số 78/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ.

Bộ Công Thương xin trình Chính phủ về việc ban hành Nghị định này như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

Đề thi hành Pháp lệnh Quản lý thị trường số 11/2016/UBTVQH13 ngày 08 tháng 3 năm 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2016 quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường và Nghị định số 78/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 148/2016/NĐ-CP (sau đây gọi chung là Nghị định số 148/2016/NĐ-CP sửa đổi). Về cơ bản, Nghị định số 148/2016/NĐ-CP sửa đổi đã đáp ứng được yêu cầu quy định cụ thể hoá các điều khoản được giao trong Pháp lệnh Quản lý thị trường, tạo ra cơ sở pháp lý quan trọng cho giai đoạn kiện toàn mô hình tổ chức và hoạt động của lực lượng Quản lý thị trường - một trong những lực lượng chủ công trong công tác đấu tranh, phòng chống vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại ở thị trường trong nước.

Sau gần 05 năm được triển khai thi hành Nghị định số 148/2016/NĐ-CP, một số vấn đề pháp lý đã phát sinh, đòi hỏi phải được nhanh chóng xử lý, khắc phục để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, bảo đảm sự minh bạch, rõ ràng và thống nhất của hệ thống pháp luật, cụ thể như sau:

(i) Quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 3 của Nghị định số 148/2016/NĐ-CP về ngạch công chức Quản lý thị trường về cơ bản lặp lại quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 của Pháp lệnh Quản lý thị trường. Theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 2 Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ, Bộ Nội vụ có thẩm quyền quy định mã số ngạch công chức. Tuy nhiên, Khoản 6 Điều 73 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức quy định Bộ, cơ quan ngang Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn: “Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ”. Như vậy, quy định về cơ quan có thẩm quyền quy định mã số ngạch công chức có sự mâu thuẫn giữa Nghị định số 34/2017/NĐ-CP, Nghị định số 148/2016/NĐ-CP và quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020), quy định của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP là quy định được áp dụng.

Để bảo đảm sự thống nhất của quy định pháp luật về ngạch công chức, cần thiết phải thay thế quy định tại Điều 3 Nghị định số 148/2016/NĐ-CP bởi quy định mới về ngạch công chức Quản lý thị trường phù hợp với quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019), Pháp lệnh Quản lý thị trường năm 2016 và Điều 73 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

(ii) Khoản 1 Điều 21 Pháp lệnh Quản lý thị trường quy định: “Người đứng đầu cơ quan Quản lý thị trường có thẩm quyền theo quy định của Chính phủ được ban hành quyết định kiểm tra”.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 10 ngày 13 tháng 11 năm 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022. Theo quy định của Luật, ngoài các chức danh Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 45 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, chức danh Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường sẽ có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính kể từ thời điểm Luật có hiệu lực thi hành.

Để thi hành quy định của Luật một cách kịp thời, thống nhất, hiệu quả, thực hiện đúng nguyên tắc trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính thuộc về người có thẩm quyền xử phạt và tăng cường sự chủ động trong công tác đấu tranh phòng, chống, xử lý các hành vi vi phạm hành chính của Phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường, đặc biệt là đối với các vi phạm có quy mô lớn, diễn ra trên phạm vi nhiều tỉnh, thành phố hoặc để phòng ngừa tiêu cực, việc cho phép người đứng đầu đơn vị này được ban hành quyết định kiểm tra

việc chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân trong kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại là cần thiết.

(iii) Theo quy định tại Điều 39 Pháp lệnh Quản lý thị trường, Chính phủ quy định chi tiết biển hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, trang phục và các trang thiết bị cần thiết khác được cấp thống nhất cho lực lượng Quản lý thị trường. Tuy nhiên, Điều 13 Nghị định số 148/2016/NĐ-CP quy định giao “Bộ Công Thương quy định mẫu, quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường”. Quy định này mặc dù tạo ra sự chủ động, thuận lợi cho Bộ Công Thương trong việc quy định và quản lý nhưng chưa thực sự phù hợp với quy định tại đoạn 1 khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: “Cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được ủy quyền tiếp”.

Do vậy, cần thiết phải quy định chi tiết về biển hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, trang phục và các trang thiết bị cần thiết khác của lực lượng Quản lý thị trường tại Nghị định của Chính phủ để bảo đảm sự thống nhất của pháp luật.

Bên cạnh đó, quy định về hình thức cấp hiệu, trang phục của công chức Quản lý thị trường hiện nay về cơ bản kế thừa từ các quy định của Nghị định số 10/CP ngày 23 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ quy định về tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Quản lý thị trường và khá tương đồng về hình thức với cấp hiệu, trang phục của một số lực lượng vũ trang nhân dân. Trong bối cảnh hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường luôn gắn liền với hoạt động của tổ chức, cá nhân kinh doanh và người dân, cấp hiệu, trang phục cần thiết phải được nghiên cứu, thiết kế một cách hài hoà, phù hợp với tính chất, môi trường hoạt động, đối tượng tác động của lực lượng và gắn với nguyên tắc đã được ghi nhận tại Pháp lệnh Quản lý thị trường: hoạt động của lực lượng Quản lý thị trường phải dựa vào Nhân dân, phát huy sức mạnh của Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân.

(iv) Theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Pháp lệnh Quản lý thị trường quy định về phương tiện làm việc của lực lượng Quản lý thị trường, nội dung quy định nay chưa thống nhất với quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô. Vì vậy cần thiết quy định chi tiết về phương tiện làm việc của lực lượng Quản lý thị trường để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ của pháp luật.

Với những yêu cầu đặt ra như trên, việc ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường thay thế Nghị định số 148/2016/NĐ-CP và Nghị định số 78/2019/NĐ-CP là cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC SOẠN THẢO

1. Bảo đảm sự phù hợp, đồng bộ và thống nhất với Pháp lệnh Quản lý thị trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Kế thừa những quy định còn phù hợp, khắc phục những vấn đề vướng mắc về mặt pháp lý trong thực tiễn áp dụng các quy định của Nghị định số 148/2016/NĐ-CP sửa đổi hiện hành.

3. Thể hiện quan điểm xây dựng lực lượng Quản lý thị trường chính quy, chuyên nghiệp, hiện đại, gắn bó mật thiết với người dân và doanh nghiệp; bảo vệ có hiệu quả các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân kinh doanh, người tiêu dùng và người dân; góp phần ổn định thị trường, phát triển kinh tế xã hội và thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO

Thực hiện quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Công Thương đã triển khai các công việc sau:

1. Ban hành Quyết định số 810/QĐ-BCT ngày 09 tháng 3 năm 2021 thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị định. Ban soạn thảo do một Thứ trưởng Bộ Công Thương làm Trưởng ban. Thành viên Ban soạn thảo và Tổ biên tập gồm đại diện các cơ quan: Văn phòng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Công an và đại diện một số đơn vị có liên quan của Bộ Công Thương.

2. Tiến hành rà soát các quy định của Nghị định số 148/2016/NĐ-CP sửa đổi và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; tổng kết, đánh giá những vướng mắc nảy sinh trong quá trình áp dụng Nghị định và định hướng giải pháp xử lý.

3. Xây dựng Đề cương chi tiết Dự thảo Nghị định và Dự thảo nội dung Nghị định. Các Dự thảo 1 và 2 của Nghị định đã được đưa ra Ban soạn thảo, Tổ biên tập thảo luận, góp ý và chỉnh lý.

4. Dự thảo 2 Nghị định đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Công Thương để lấy ý kiến góp ý của các cá nhân, tổ chức có liên quan từ ngày 31 tháng 5 năm 2021 theo quy định; đồng thời đã được Bộ Công Thương gửi xin ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Công văn số 3045/BCT-QLTT ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Bộ Công Thương).

Đến nay, Ban soạn thảo đã nhận được ý kiến góp ý của 18/21 Bộ, cơ quan ngang Bộ được gửi xin ý kiến; 54/63 Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; 03 đơn vị thuộc Bộ Công Thương và 63/63 Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh. Về cơ bản, các cơ quan, tổ chức có văn bản góp ý đều nhất trí cao về sự cần thiết ban hành văn bản, bố cục và nội dung của Dự thảo Nghị định. Các ý kiến

góp ý của các Bộ, ngành, đại phương đã được Ban soạn thảo tổng hợp, giải trình, tiếp thu để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo 3 Nghị định.

5. Xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của văn bản và Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Dự thảo Nghị định theo quy định (gửi kèm theo).

6. Ngày tháng năm 2021, Bộ Công Thương đã có Công văn số /BCT-TCQLTT gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định Dự thảo Nghị định.

Ngày tháng năm 2021, Bộ Tư pháp đã có văn bản số /BC-BTP về việc thẩm định Dự thảo Nghị định gửi Bộ Công Thương và Văn phòng Chính phủ.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại văn bản số /BC-BTP, Bộ Công Thương đã nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện Dự thảo Nghị định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Về bố cục cấu dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định có 04 Chương, 16 Điều và 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định, cụ thể:

- Chương I. Quy định chung gồm 02 điều (Điều 1 và Điều 2) quy định về phạm vi và đối tượng điều chỉnh của Nghị định.

- Chương II. Ngạch công chức Quản lý thị trường, thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra gồm 02 điều (Điều 3 và Điều 4).

- Chương III. Phương tiện làm việc và trang phục của lực lượng Quản lý thị trường gồm 10 điều (từ Điều 5 đến Điều 14).

- Chương IV. Điều khoản thi hành gồm 02 điều (Điều 15 và Điều 16) quy định về hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành Nghị định.

- Phụ lục I thể hiện các mẫu cấp hiệu, phù hiệu, biểu tượng (logo) và cờ hiệu của lực lượng Quản lý thị trường; Phụ lục II thể hiện mẫu trang phục của lực lượng Quản lý thị trường (áo, quần, váy, mũ, tất, thắt lưng, cà vạt, giày, mũ bảo hiểm, cặp tài liệu)

2. Về các nội dung chủ yếu của Nghị định

(i) Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1 và Điều 2)

Nghị định này quy định về ngạch công chức Quản lý thị trường; thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra; phương tiện làm việc, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường.

Đối tượng áp dụng của Nghị định là cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường, công chức đang công tác trong lực lượng Quản lý thị trường và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên.

(ii) Về ngạch công chức Quản lý thị trường (Điều 3):

Nghị định quy định Bộ Công Thương quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với ngạch công chức Quản lý thị trường sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ.

(iii) Về thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra (Điều 4):

Nghị định quy định cụ thể các chức danh thuộc lực lượng Quản lý thị trường có thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra bao gồm:

- Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường;
- Cục trưởng Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường;
- Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường (sau đây gọi tắt là Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh) gồm: Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Cục trưởng Cục Quản lý thị trường liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Trưởng Phòng nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường; Đội trưởng Đội Quản lý thị trường cấp huyện thuộc Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh gồm: Đội Quản lý thị trường huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; Đội Quản lý thị trường liên huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; Đội Quản lý thị trường chuyên ngành; Đội Quản lý thị trường cơ động.

(iv) Về phương tiện làm việc và trang phục của lực lượng Quản lý thị trường (các điều từ Điều 5 đến Điều 14):

Nghị định kế thừa các quy định còn phù hợp tại Nghị định số 148/2016/NĐ-CP sửa đổi về phương tiện làm việc, công cụ hỗ trợ được trang bị cho lực lượng Quản lý thị trường, phù hiệu, cờ hiệu, biển hiệu, trang phục Quản lý thị trường.

Đối với quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ của lực lượng Quản lý thị trường, để bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và Nghị định số 79/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, Điều 6 dự thảo Nghị định quy định Bộ trưởng Bộ Công an quyết định việc trang bị các loại công cụ hỗ trợ, trừ động vật nghiệp vụ, cho các đối tượng thuộc lực lượng Quản lý thị trường căn cứ vào tính chất, yêu cầu nhiệm vụ theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Đối với cấp hiệu và trang phục Quản lý thị trường, Nghị định quy định cụ thể và chi tiết về mẫu, quy cách trang phục, cấp hiệu của lực lượng Quản lý thị trường (Điều 9, Điều 11 và Điều 12); giao Bộ Công Thương quy định cụ thể về

chế độ cấp phát, quản lý và sử dụng cấp hiệu, trang phục Quản lý thị trường (Điều 13).

(v) Về điều khoản thi hành (Điều 15 và Điều 16):

Nghị định dự kiến có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 202... và thay thế Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường và Nghị định số 78/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường. Riêng quy định về cấp hiệu Quản lý thị trường được áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2022.

Nghị định quy định Bộ trưởng Bộ Công Thương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này; các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thi hành Nghị định này.

V. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỀ NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ BẢO ĐẢM THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH; VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Nội dung của dự thảo Nghị định cơ bản kế thừa và sửa đổi, bổ sung các quy định của Nghị định số 148/2016/NĐ-CP và Nghị định số 78/2019/NĐ-CP để bảo đảm sự thống nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực cán bộ, công chức, quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Do vậy, để bảo đảm triển khai thi hành Nghị định sau khi được thông qua, về cơ bản, các cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn sử dụng nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực hiện hành. Đối với việc thay đổi cấp hiệu Quản lý thị trường với chi phí ước tính 1, 5 tỷ đồng được dự toán trong nguồn kinh phí hoạt động ngân sách Nhà nước cấp cho lực lượng Quản lý thị trường, Bộ Công Thương năm 2022.

Các quy định trong dự thảo Nghị định không có vấn đề bất bình đẳng giới, không phân biệt đối xử về giới và đảm bảo yêu cầu về bình đẳng giới theo quy định.

Trên đây là Tờ trình về việc ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường.

Bộ Công Thương kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Tài liệu xin được gửi kèm theo:

- Dự thảo 3 Nghị định quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường;

- Báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường;

- Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường;

- Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 78/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ;

- Báo cáo đánh giá tác động việc ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường;

- Các tài liệu khác có liên quan.)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, PC, QLTT (05).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2021/ND-CP

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2021

DỰ THẢO 3



NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường ngày 08 tháng 3 năm 2016 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch ngày 22 tháng 12 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về ngạch công chức Quản lý thị trường; thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra; phương tiện làm việc, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức hành chính thuộc lực lượng Quản lý thị trường và công chức đang công tác trong lực lượng Quản lý thị trường.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến tổ chức và hoạt động của lực lượng Quản lý thị trường.

Chương II

NGẠCH CÔNG CHỨC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG, THẨM QUYỀN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA

Điều 3. Ngạch công chức Quản lý thị trường

Bộ Công Thương quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với ngạch công chức Quản lý thị trường sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ.

Điều 4. Thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra

1. Người có thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều 21 Pháp lệnh Quản lý thị trường bao gồm:

- a) Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường;
- b) Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường; Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh thuộc Tổng cục Quản lý thị trường (sau đây gọi tắt là Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh) gồm: Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Cục trưởng Cục Quản lý thị trường liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- c) Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường; Đội trưởng Đội Quản lý thị trường cấp huyện thuộc Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh gồm: Đội Quản lý thị trường huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; Đội Quản lý thị trường liên huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; Đội Quản lý thị trường chuyên ngành; Đội Quản lý thị trường cơ động.

2. Người có thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều này được giao quyền cho cấp phó ban hành quyết định kiểm tra; việc giao quyền ban hành quyết định kiểm tra và việc ban hành quyết định kiểm tra thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 21 của Pháp lệnh Quản lý thị trường.

Chương III

PHƯƠNG TIỆN LÀM VIỆC VÀ TRANG PHỤC CỦA LỰC LƯỢNG QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Điều 5. Phương tiện làm việc của lực lượng Quản lý thị trường

1. Phương tiện làm việc phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra chuyên ngành và xử lý vi phạm hành chính của lực lượng Quản lý thị trường gồm: Xe ô tô chức danh theo quy định, xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng: xe ô tô tải, xe ô tô bán tải, xe ô tô trên 16 chỗ ngồi, xe ô tô trang bị phòng thí nghiệm, xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù; xe mô tô; xuống cao tốc; máy

bộ đàm, thiết bị đo, kiểm tra nhanh, thiết bị chuyên dùng, thiết bị công nghệ thông tin, điện tử, máy móc, thiết bị văn phòng và phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ theo yêu cầu công tác và theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan Quản lý thị trường các cấp có trách nhiệm phối hợp trong việc sử dụng phương tiện làm việc để phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra chuyên ngành và xử lý vi phạm hành chính của lực lượng Quản lý thị trường.

3. Phương tiện làm việc của lực lượng Quản lý thị trường được quản lý, sử dụng phù hợp với yêu cầu công tác, tiêu chuẩn, định mức và phân cấp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 6. Quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ của lực lượng Quản lý thị trường

1. Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc trang bị các loại công cụ hỗ trợ, trừ động vật nghiệp vụ, cho các đối tượng thuộc lực lượng Quản lý thị trường căn cứ vào tính chất, yêu cầu nhiệm vụ theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

2. Việc quản lý, sử dụng, sửa chữa, vận chuyển, phân loại, thanh lý, tiêu hủy công cụ hỗ trợ trang bị cho các đối tượng thuộc lực lượng Quản lý thị trường thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, thiết bị nổ và công cụ hỗ trợ.

Điều 7. Phù hiệu Quản lý thị trường, biểu tượng (lô-gô) của lực lượng Quản lý thị trường

1. Phù hiệu Quản lý thị trường có mặt phía ngoài nền màu xanh, giữa có ngôi sao vàng 5 cánh nổi trên nền đỏ hình tròn, sát mép phù hiệu có đường viền bằng 2 bông lúa màu vàng, cuống 2 bông lúa gắn với hình nửa bánh răng cưa màu vàng trên bề mặt có hàng chữ "QLTT" màu đỏ, xếp cong theo chiều cong của nửa vành bánh răng cưa.

2. Mẫu phù hiệu Quản lý thị trường được thể hiện tại hình 6 Phụ lục I kèm theo Nghị định này và được sử dụng để gắn, in, thêu, đúc trên cấp hiệu gắn trên cổ áo, biển hiệu, cờ hiệu, Thẻ kiểm tra thị trường, ấn chỉ Quản lý thị trường, giấy tờ công vụ, vật lưu niệm của cơ quan Quản lý thị trường và trên các phương tiện phục vụ hoạt động công vụ của cơ quan Quản lý thị trường các cấp.

Mẫu phù hiệu Quản lý thị trường gắn cảnh tùng được thể hiện tại hình 7 Phụ lục I kèm theo Nghị định này và được sử dụng để gắn trên mặt trước mũ kê pi, mũ mềm; in, gắn, đúc trên các vật phẩm phục vụ công tác tuyên truyền, hội nghị, hội thảo và các sự kiện khác của cơ quan Quản lý thị trường; được gắn, đặt ở vị trí trang trọng tại trụ sở, trên biển hiệu cơ quan Quản lý thị trường các cấp.

3. Biểu tượng (lô-gô) của lực lượng Quản lý thị trường gồm 2 phần: Phần nền màu xanh đen hình khiên có phần chữ "DMS" (chữ viết tắt "Tổng cục Quản lý thị trường" bằng tiếng Anh - Directorate of Market Surveillance) và chữ "M"

(chữ viết tắt “thị trường” bằng tiếng Anh - Market) cách điệu màu vàng. Tùy theo màu sắc của vật gắn lô-gô, phần nền có thể bổ sung thêm viền màu vàng.

Mẫu biểu tượng (lô-gô) của lực lượng Quản lý thị trường thể hiện tại hình 8 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này được in, gắn, đúc trên các vật phẩm phục vụ công tác tuyên truyền, hội nghị, hội thảo và các sự kiện khác của cơ quan Quản lý thị trường.

Điều 8. Cờ hiệu Quản lý thị trường

1. Cờ hiệu Quản lý thị trường được làm bằng vải màu xanh thẫm, hình tam giác cân theo tỷ lệ cạnh bên so với cạnh đáy là 5/3; hai cạnh bên có đường viền gắn các sợi tua màu vàng và ở trung tâm có phù hiệu Quản lý thị trường. Mẫu cờ hiệu được thể hiện tại hình 9 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Cờ hiệu Quản lý thị trường được treo, đặt ở vị trí trang trọng tại phòng làm việc của lãnh đạo cơ quan Quản lý thị trường các cấp, tại phòng họp, hội trường cơ quan Quản lý thị trường các cấp, tại các cuộc họp sơ kết, tổng kết, hội nghị chuyên đề và các cuộc họp trọng thể khác của cơ quan Quản lý thị trường; được gắn, cắm trên các phương tiện phục vụ hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và được sử dụng trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cấp hiệu Quản lý thị trường

1. Cấp hiệu Quản lý thị trường là biểu trưng thể hiện vị trí, chức vụ trong cơ quan Quản lý thị trường các cấp, được gắn trên cầu vai áo trang phục Quản lý thị trường.

2. Cấp hiệu Quản lý thị trường sử dụng cho trang phục xuân - hè, thu - đông, áo măng tô gồm:

a) Cấp hiệu Quản lý thị trường gắn trên vai áo hình thang, đầu nhỏ vát nhọn cân, ba mặt gồm chiều dài và đầu vát nhọn (đầu nhỏ) có viền màu vàng. Nền cấp hiệu màu xanh đen, bề mặt vải có các gân nổi;

b) Khuy trên cấp hiệu: đầu nhỏ cấp hiệu đính khuy bằng kim loại; phía trên khuy có ngôi sao 5 cánh nổi, sát mép có đường viền bằng 2 bông lúa, cuống 2 bông lúa gắn với hình nửa bánh răng cưa trên bề mặt có hàng chữ "QLTT", xếp cong theo chiều cong của nửa vành bánh răng cưa.

Công chức giữ chức vụ lãnh đạo sử dụng khuy màu vàng.

Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo sử dụng khuy màu bạc.

c) Biểu tượng khiên và cảnh tùng bằng kim loại trên nền cấp hiệu

Biểu tượng hình chiếc khiên nằm trên nền hình tròn, trên khiên là chữ “DMS” cách điệu; mép ngoài hình tròn có các bánh xe. Từ biểu tượng hình tròn và khiên là cảnh tùng vươn sang hai bên và lên cao.

Công chức giữ chức vụ lãnh đạo: sử dụng biểu tượng khiên và cảnh tùng màu vàng.

Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo: sử dụng biểu tượng khiên và cảnh tùng màu bạc.

d) Sao cấp hiệu thể hiện chức vụ lãnh đạo bằng kim loại màu vàng, vân nổi. Sao được gắn thành một hàng thẳng dọc ở giữa cấp hiệu, nằm giữa biểu tượng và khuy cấp hiệu.

Cấp hiệu của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường gắn 02 sao loại kích cỡ đường kính 26 mm.

Cấp hiệu của Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường gắn 01 sao loại kích cỡ đường kính 26 mm.

Cấp hiệu của Vụ trưởng, Cục trưởng và các chức vụ tương đương; Trưởng phòng, Đội trưởng và các chức vụ tương đương gắn 2 sao loại kích cỡ đường kính 22 mm.

Cấp hiệu của Phó Vụ trưởng, Phó Cục trưởng và các chức vụ tương đương; Phó Trưởng phòng, Phó Đội trưởng và các chức vụ tương đương gắn 01 sao loại kích cỡ đường kính 22 mm.

Cấp hiệu của công chức không giữ chức vụ lãnh đạo không gắn sao cấp hiệu.

d) Vạch cấp hiệu: vạch cấp hiệu bằng kim loại, gắn ở phần đầu vuông của nền cấp hiệu.

Cấp hiệu của lãnh đạo cấp Cục, Vụ và các chức vụ tương đương gắn 2 vạch ngang màu vàng.

Cấp hiệu của lãnh đạo cấp Phòng, Đội Quản lý thị trường và các chức vụ tương đương gắn 1 vạch ngang màu vàng.

Cấp hiệu của công chức không giữ chức vụ lãnh đạo gắn vạch màu bạc, gồm: Kiểm soát viên cao cấp thị trường và tương đương gắn 3 vạch ngang; Kiểm soát viên chính thị trường và tương đương gắn 2 vạch ngang; Kiểm soát viên thị trường và tương đương gắn 1 vạch ngang; Kiểm soát viên trung cấp thị trường và tương đương gắn 1 vạch hình chữ "V" nằm ngang.

e) Cấp hiệu gắn trên cổ áo trang phục xuân - hè, thu - đông, áo măng tô

Cấp hiệu gắn trên cổ áo hình bình hành, xung quanh có viền màu vàng. Nền cấp hiệu màu xanh đen, bề mặt vải có các gân nổi; ở trung tâm có phù hiệu Quản lý thị trường.

Mẫu cấp hiệu gắn trên cổ áo thể hiện tại hình 5 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này

g) Mẫu cấp hiệu của Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng thể hiện tại hình 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Mẫu cấp hiệu của Cục trưởng, Vụ trưởng và các chức vụ tương đương; Phó Cục trưởng, Phó Vụ trưởng và các chức vụ tương đương thể hiện tại hình 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Mẫu cấp hiệu của Trưởng phòng, Đội trưởng và các chức vụ tương đương;

Phó trưởng phòng, Phó đội trưởng và các chức vụ tương đương thể hiện tại hình 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Mẫu cấp hiệu của công chức không giữ chức vụ lãnh đạo thể hiện tại hình 4 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Công chức tập sự không được sử dụng cấp hiệu gắn trên vai áo trang phục Quản lý thị trường.

Điều 10. Biện hiệu Quản lý thị trường

1. Biện hiệu Quản lý thị trường có đường viền nhỏ xung quanh màu vàng, nền màu xanh đen, phía trái có hình phù hiệu Quản lý thị trường; phía trên bên phải ghi họ tên công chức và số hiệu công chức. Mẫu biện hiệu được thể hiện tại hình 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Biện hiệu Quản lý thị trường cấp cho công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp, được đeo ở ngực trái trang phục Quản lý thị trường.

3. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định số hiệu công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp.

Điều 11. Trang phục Quản lý thị trường

1. Trang phục Quản lý thị trường cấp cho công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp, bao gồm:

- a) Áo sơ mi cho nam và áo sơ mi mặc trong áo khoác cho nam;
- b) Áo sơ mi cho nữ và áo sơ mi mặc trong áo khoác cho nữ;
- c) Áo khoác cho nam;
- d) Áo khoác cho nữ;
- đ) Áo măng tô, áo bông, áo gi-lê, áo gió;
- e) Quần âu cho nam;
- g) Quần âu, chân váy cho nữ;
- h) Mũ kê-pi (cho nam), mũ mềm (cho nữ), mũ bông, cà vạt;
- i) Các loại trang bị khác gồm: thắt lưng; giày da; tất; mũ bảo hiểm; cặp tài liệu.

2. Trang phục Quản lý thị trường cấp cho công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường phù hợp với đối tượng, yêu cầu công việc và đặc thù địa lý.

Điều 12. Mẫu, quy cách trang phục Quản lý thị trường

1. Áo sơ mi cho nam và áo sơ mi mặc trong áo khoác cho nam:

a) Áo sơ mi ngắn tay cho nam màu xanh nhạt, cổ đứng, hai bên đầu lá cổ thừa 2 khuyết đeo cấp hiệu, cửa tay may gấp 2,5cm, vạt áo buông bỏ trong quần. Ngực có 2 túi ốp nổi, giữa túi có đố, đáy túi vát góc, nắp túi vát góc, có cài nút, hai cạnh giữa nắp túi có đính 1 cúc. Trên gáy nắp túi bên trái thừa 2 khuyết ngang

để đeo biển hiệu. Nẹp áo bên thừa khuyết may nẹp bong, áo cài 5 cúc và 1 cúc chân cổ, cúc áo bằng nhựa khâu liền thân áo, đường kính 10 mm. Tay áo bên trái có gắn lô-gô lực lượng Quản lý thị trường. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu.

Mẫu sơ mi ngắn tay cho nam được thể hiện tại hình 1a Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Áo sơ mi dài tay cho nam màu xanh nhạt, cổ đứng, hai bên đầu lá cổ thừa 2 khuyết đeo cấp hiệu, vạt áo buông bỏ trong quần. Ngực có 2 túi ốp nổi, giữa túi có đố, đáy túi vát góc, nắp túi vát góc, có cài nút, giữa nắp túi có đính 1 cúc. Trên gáy nắp túi bên trái thừa 2 khuyết ngang để đeo biển hiệu. Nẹp áo bên thừa khuyết may nẹp bong, áo cài 5 cúc và 1 cúc chân cổ, cúc áo bằng nhựa khâu liền thân áo, đường kính cúc 10 mm. Tay áo có thép tay, măng séc cài cúc. Tay áo bên trái gắn lô-gô lực lượng Quản lý thị trường. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu.

Mẫu áo sơ mi dài tay cho nam được thể hiện tại hình 1b Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Áo sơ mi mặc trong áo khoác cho nam:

Màu sắc: xanh nhạt. Kiểu áo sơ mi dài tay, cổ đứng, vạt áo buông bỏ trong quần. Ngực áo bên trái có một túi ốp nổi không nắp, có cài nút, đáy túi vát góc. Nẹp áo cài 5 cúc và 1 cúc chân cổ, cúc áo bằng nhựa khâu liền thân áo. Tay áo có thép tay và măng séc cài cúc.

Mẫu áo sơ mi mặc trong áo khoác cho nam được thể hiện tại hình 1c Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Áo sơ mi cho nữ và áo sơ mi mặc trong áo khoác cho nữ

a) Áo sơ mi ngắn tay cho nữ: Màu sắc: xanh nhạt. Kiểu áo sơ mi ngắn tay, cửa tay lơ-vê, cổ bẻ 2 ve, hai bên đầu lá cổ thừa 2 khuyết đeo cấp hiệu, gấu may 2 cm, áo bỏ ngoài quần. Thân trước có chiết ly ben, chiết ly eo, có hai túi dưới ốp nổi, đáy túi lượn tròn, nắp túi giả, vạt cạnh chữ V. Trên ngực trái thừa 2 khuyết ngang để đeo biển hiệu. Nẹp áo cài 5 cúc bằng nhựa đường kính 10 mm. Thân sau may liền có chiết ly eo sau. Tay áo bên trái gắn lô-gô lực lượng Quản lý thị trường. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu.

Mẫu áo sơ mi ngắn tay cho nữ được thể hiện tại hình 2a Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Áo sơ mi dài tay cho nữ: Màu sắc: xanh nhạt. Kiểu áo sơ mi dài tay, cổ đứng, hai bên đầu lá cổ thừa 2 khuyết đeo cấp hiệu, gấu may 2 cm, vạt buông bỏ trong quần. Thân trước có chiết ly ben và ly eo. Thân sau may liền có chiết ly eo sau. Tay áo có măng séc cài cúc. Trên ngực trái thừa 2 khuyết ngang để đeo biển hiệu. Nẹp áo cài 5 cúc và 1 cúc chân cổ, cúc áo bằng nhựa khâu liền thân áo, đường kính 10 mm. Tay áo bên trái gắn lô-gô lực lượng Quản lý thị trường. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu.

Mẫu áo sơ mi dài tay cho nữ được thể hiện tại hình 2b Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Áo sơ mi mặc trong áo khoác cho nữ: Màu sắc: xanh nhạt. Kiểu áo sơ mi dài tay, cổ đứng, vạt buông bỏ trong quần. Thân trước có chiết ly ben và ly eo, nẹp áo cài 5 cúc và 1 cúc chân cổ, cúc áo bằng nhựa khâu liền thân áo, đường kính 10 mm. Thân sau may liền có chiết ly eo sau. Tay áo có măng séc cài cúc.

Mẫu áo sơ mi mặc trong áo khoác cho nữ được thể hiện tại hình 2c Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Áo khoác cho nam:

a) Hình dáng bên ngoài:

Màu áo: xanh đậm. Kiểu áo khoác ngoài, cổ bẻ 2 ve, hai bên đầu lá cổ thừa 2 khuyết đeo cấp hiệu. Thân trước trên ngực có 2 túi ốp nổi phía trên, giữa túi có súp, đáy túi vát góc, trên nắp túi bên trái có cài nút, cạnh nắp túi lượn tròn cài cúc. Thừa 2 khuyết ngang trên ngực trái phía trên nắp túi để đeo biển hiệu. Cúc túi trên đường kính 18 mm, cúc túi dưới đường kính 22 mm. Nẹp áo cài 4 cúc đường kính 22 mm. Cúc áo bằng kim loại mạ màu vàng khâu liền thân áo, túi áo. Túi dưới bỏ coi chìm, có nắp túi lượn cánh én, có cài khuy nắp túi. Thân sau có sống sau, xẻ dưới. Tay dài 2 mang có xé cửa tay giả, mỗi bên đính 4 cúc kim loại màu vàng đường kính 18 mm. Tay áo bên trái gắn lô-gô lực lượng Quản lý thị trường. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu;

b) Hình dáng bên trong:

Áo có lót thân cùng màu vải chính, thân trước có 2 túi lót.

Mẫu áo khoác cho nam được thể hiện tại hình 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Áo khoác cho nữ:

a) Hình dáng bên ngoài:

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu áo khoác ngoài, cổ bẻ 2 ve, hai bên đầu lá cổ thừa 2 khuyết đeo cấp hiệu. Thân trước phía dưới có hai túi coi bỏ chìm 1 cm, có nắp túi, cài khuy, cạnh nắp túi lượn tròn cài cúc đường kính 18 mm. Nẹp áo cài 4 cúc đường kính 22 mm. Cúc áo bằng kim loại màu vàng khâu liền thân áo, túi áo. Thân trước phía trên bên trái thừa 2 khuyết ngang để đeo biển hiệu. Thân sau có sống sau, xẻ dưới. Tay dài 2 mang quay tròn, đính 3 cúc kim loại mạ màu vàng đường kính 18 mm. Tay áo bên trái gắn lô-gô lực lượng Quản lý thị trường. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu.

b) Hình dáng bên trong:

Áo có lót thân cùng màu vải chính, thân trước bên phải có 1 túi lót.

Mẫu áo khoác cho nữ được thể hiện tại hình 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Áo măng tô, áo bông, áo gi-lê, áo gió:

a) Áo măng tô:

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu áo khoác ngoài dài ngang gối, cổ 2 ve, hai bên đầu lá cổ thừa 2 khuyết đeo cấp hiệu. Thân sau có đề cúp và cầu vai điều 0,5 cm. Thân trước phía trên bên trái thừa 2 khuyết ngang để đeo biển hiệu. Thân trước phía dưới có hai túi cơi bỏ chéo, 2 bên sườn có dây đĩa chặn ngang eo áo để thắt dây đai. Khóa đai áo bằng nhựa. Nẹp áo có đính 4 cúc kim loại mạ màu vàng đường kính 22 mm, thân sau phía dưới có sống và xẻ sau. Tay áo được thiết kế kiểu tay 2 mang, có cả tay có đính cúc kim loại mạ màu vàng đường kính 18 mm. Tay áo bên trái gắn lô-gô lực lượng Quản lý thị trường. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu. Áo có lót thân cùng màu vải chính, thân trước có túi lót.

Mẫu áo măng tô được thể hiện tại hình 5a Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Áo gi-lê:

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu áo gi-lê 3 lớp. Cổ áo có 2 lớp, lớp ngoài kiểu cổ bẻ, lớp trong may liền với khóa nẹp. Thân trước may khóa có nẹp che, 2 đầu đính nhám, phía dưới có hai túi cơi chéo. Sườn áo có gắn cá sườn. Lăn áo lót được trần bông bằng các đường chỉ song song đều đặn.

Mẫu áo gi-lê được thể hiện tại hình 5b Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Áo gió:

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu áo mặc ngoài mùa đông được thiết kế kiểu tay thường. Có mũ, chân mũ có khóa cài vào cổ áo, đầu mũ có 2 dây rút, 2 cạnh mũ có dán nhám. Thân trước có 2 túi cơi. Nẹp áo được mở suốt bằng khóa, kéo dài lên tới cạnh trên cổ áo. Khóa áo có nẹp che khóa được dán nhám 2 đầu. Lăn áo lót bên trong thân trước có 1 túi cơi, dán nhám ở miệng cơi. Tay áo có cửa tay dán nhám điều chỉnh. Gấu áo có dây luồn dây rút. Tay áo bên trái gắn lô-gô lực lượng Quản lý thị trường.

Mẫu áo gió được thể hiện tại hình 5c Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

d) Áo bông:

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu áo khoác lưng dài tay 3 lớp. Cổ áo 2 lớp, lớp ngoài cổ bẻ có ve chữ V; lớp cổ trong may khóa kéo kín cổ. Thân trước trên ngực có 2 túi ốp nổi, cạnh nắp túi lượn tròn cài cúc đường kính 15mm; phía dưới có 2 túi bỏ cơi chéo. Nẹp áo bên trong may khóa kéo, nẹp che ngoài có 4 cúc đường kính 22 mm. Thân sau can cầu vai, có đĩa sườn để luồn dây đai. Đai áo có khóa nhựa. Vai áo có bật vai. Tay áo kiểu 2 mang, có gắn cả cửa tay đính cúc đường kính 15mm. Tay áo bên trái gắn lô-gô lực lượng Quản lý thị trường.

Lăn áo lót trần bông, thân trước bỏ 2 túi lót có khóa kéo. Tay áo lót bên trong có chun bo cửa tay.

Mẫu áo bông được thể hiện tại hình 6 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Quần âu cho nam:

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu quần âu dài, có 2 túi chéo dọc quần, cửa quần khóa kéo. Thân trước xếp 1 ly lật về phía sườn. Thân sau chiết 1 ly, có 1 túi hậu. Cạp quần có 6 dây để luồn thắt lưng. Cạp quần có quai nhê.

Mẫu quần âu cho nam được thể hiện tại hình 7 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

7. Quần âu cho nữ:

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu quần âu ống đứng, có 2 túi chéo dọc quần, cửa quần khóa kéo. Thân trước và thân sau chiết ly. Cạp quần có quai nhê.

Mẫu quần âu cho nữ được thể hiện tại hình 8 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Chân váy cho nữ:

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu váy ôm hoặc hơi xuong, cạp rời, có túi. Thân trước liền, thân sau cắt rời thành 2 mảnh. Thân sau tra khóa giọt lệ và có xẻ sau. Thân trước và thân sau mỗi bên chiết 1 ly. Váy có lót, lót váy xếp ly trùng với chiết ly lần ngoài.

Mẫu chân váy cho nữ được thể hiện tại hình 9 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

9. Mũ kê-pi (cho nam), mũ mềm (cho nữ), mũ bông, cà vạt:

a) Mũ kê-pi (cho nam):

Màu sắc: xanh đậm, thành mũ màu xanh nhạt. Kiểu mũ vành cong, có lưới trai, có thành mũ, phần thành mũ phía trán có gắn dây coóc-đông màu vàng hai đầu dây có cúc chốt kim loại hình tròn đường kính 16 mm, màu vàng, có hình ngôi sao 5 cánh nổi. Chính giữa thành mũ có lỗ ôzê để gắn phù hiệu liền vành mũ, đường kính phù hiệu 35 mm.

Mẫu mũ kê-pi (cho nam) được thể hiện tại hình 10a Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Mũ mềm (cho nữ):

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu mũ vải, đỉnh mũ hình tròn, thành mũ được chia làm 2 phần: phần trên gắn với đỉnh mũ, hai bên có gắn 2 lỗ ôzê thoát khí, chính giữa trán có lỗ ôzê để gắn phù hiệu liền vành mũ, đường kính phù hiệu 28 mm; phần dưới gắn với vành mũ; phần thành mũ phía trước có gắn dây coóc-đông màu vàng, hai đầu dây có cúc chốt kim loại hình tròn đường kính 16 mm, màu vàng, có hình ngôi sao 5 cánh nổi; vành mũ thiết kế kiểu bẻ phía sau lên thành mũ.

Mẫu mũ mềm (cho nữ) được thể hiện tại hình 10b Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Mũ bông:

Màu sắc: xanh đậm. Mũ bông kiểu 3 mũi có lưỡi trai, mũ có tai che 2 bên tai và sau gáy, phía dưới bít tai gắn dây buộc, mỗi bên che tai có 3 lỗ ôzê đột hình tam giác đều ở vị trí tai và 1 lỗ ôzê trên lưỡi trai để đeo phù hiệu.

Mẫu mũ bông được thể hiện tại hình 10c Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

d) Cà vạt:

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu cà vạt có dây chun được cài móc, có khoá điều chỉnh độ dài ngắn, củ ấu được thắt sẵn có dụng bằng nhựa PVC. Trên cà vạt có thêu phù hiệu Quản lý thị trường đường kính 40mm, khoảng cách từ đáy phù hiệu tới đáy cà vạt là 55mm.

Mẫu cà vạt được thể hiện tại hình 10d Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

10. Các loại trang bị khác:

a) Thắt lưng: Bao gồm 2 phần cốt dây và khoá.

- Dây: Mặt ngoài dây: Màu nâu đen, màu sắc đồng đều, bề mặt nhẵn, không sần sùi hoặc tách lớp. Mặt trong dây: Màu sắc đồng đều, bề mặt nhẵn hoặc nổi hoa mịn; Cạnh dây được vuốt tròn, đuôi dây cắt tròn và vuốt cạnh.

- Khoá: Bề mặt khoá nhẵn bóng, lô-gô cách điệu trên khoá cân đối rõ nét; đường viền sắc nét, gọn, dập sâu đồng đều; các mép, cạnh và lỗ gia công phải làm nhẵn, không còn ba vĩa.

Mẫu thắt lưng cho nam, nữ được thể hiện tại hình 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Giày da:

- Giày da cho nam: Da mũ giày: Da màu đen, nẹp có 4 cặp lỗ ôzê buộc dây cố định. Đế có hoa văn chống trơn trượt, đế và mũ giày được liên kết với nhau bằng keo dán tổng hợp.

Mẫu giày da cho nam được thể hiện tại hình 12a Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

- Giày da cho nữ: Kiểu giày thuyền, lác liền không vân ngang. Đế có hoa văn chống trơn trượt, đế và mũ giày được liên kết với nhau bằng keo dán tổng hợp và đóng đinh chữ U phần gót.

Mẫu giày da cho nữ được thể hiện tại hình 12b Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Tất màu xanh đậm, dệt từ chất liệu sợi. Kiểu tất cổ cao, tất có độ đàn hồi và thấm mồ hôi.

Mẫu tất được thể hiện tại hình 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

d) Mũ bảo hiểm:

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu mũ bảo hiểm che nửa đầu và tai, cốt mũ bằng nhựa có lưới trai đúc liền, bên trong có lớp xốp giảm chấn, mút xốp ốp hai vành tai quai cố định. Quai mũ được làm từ sợi polyeste trên quai có khóa bằng nhựa để cố định mũ trên đầu người sử dụng, đầu quai mũ được liên kết với mũ bằng các chốt tán kim loại.

Mẫu mũ bảo hiểm được thể hiện tại hình 14 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

đ) Cặp tài liệu:

Cặp tài liệu màu đen, có khóa số, độ dày 1,4mm - 1,6 mm. Có quai xách, dây đeo. Giữa cặp có hình phù hiệu của lực lượng Quản lý thị trường.

Mẫu cặp tài liệu được thể hiện tại hình 15 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 13. Quản lý, sử dụng phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường

Bộ Công Thương quy định cụ thể chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường.

Điều 14. Kinh phí mua sắm, sửa chữa phương tiện làm việc, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường

Kinh phí mua sắm, sửa chữa phương tiện làm việc, công cụ hỗ trợ, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao hàng năm hoặc theo đề án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021. Quy định về cấp hiệu Quản lý thị trường tại Điều 9 của Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2022.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường và Nghị định số 78/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường)

1. Cấp hiệu Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng:

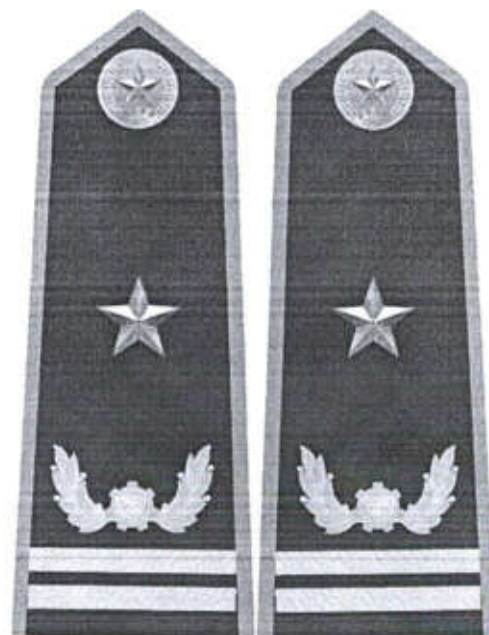


Tổng cục trưởng



Phó Tổng cục trưởng

2. Cấp hiệu Cục trưởng/Vụ trưởng và các chức vụ tương đương; Phó Cục trưởng/Phó Vụ trưởng và các chức vụ tương đương

Cục trưởng/Vụ trưởng
và các chức vụ tương đươngPhó Cục trưởng/Phó Vụ trưởng
và các chức vụ tương đương

3. Cấp hiệu Trưởng phòng/Đội trưởng và các chức vụ tương đương; Phó trưởng phòng/Phó đội trưởng và các chức vụ tương đương



Trưởng phòng/Đội trưởng
và các chức vụ tương đương

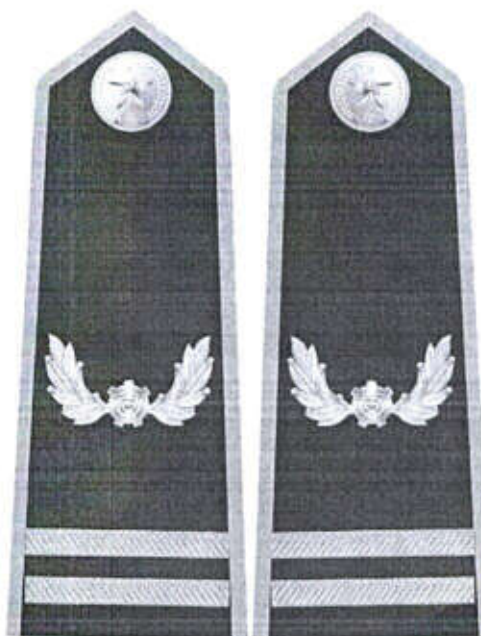


Phó trưởng phòng/Phó đội trưởng
và các chức vụ tương đương

4. Cấp hiệu công chức không giữ chức vụ lãnh đạo



Kiểm soát viên cao cấp
thị trường và tương đương



Kiểm soát viên chính thị
và tương đương



Kiểm soát viên thị trường và tương đương



Kiểm soát viên trung cấp thị trường
và tương đương

5. Cặp hiệu gắn trên cổ áo



6. Phù hiệu Quân lý thị trường



7. Phù hiệu Quân lý thị trường gắn cảnh tùng



8. Biểu tượng (lô-gô)



9. Cờ hiệu Quân lý thị trường



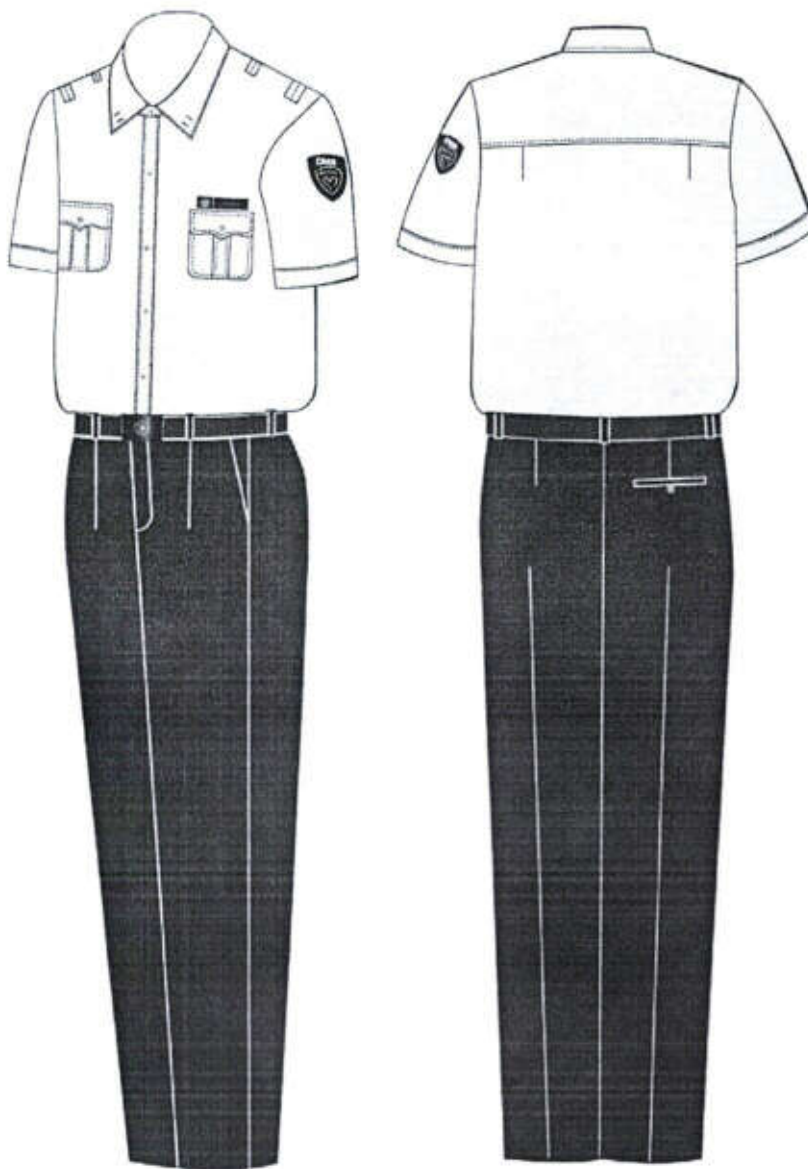
10. Biển hiệu Quân lý thị trường



Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường)

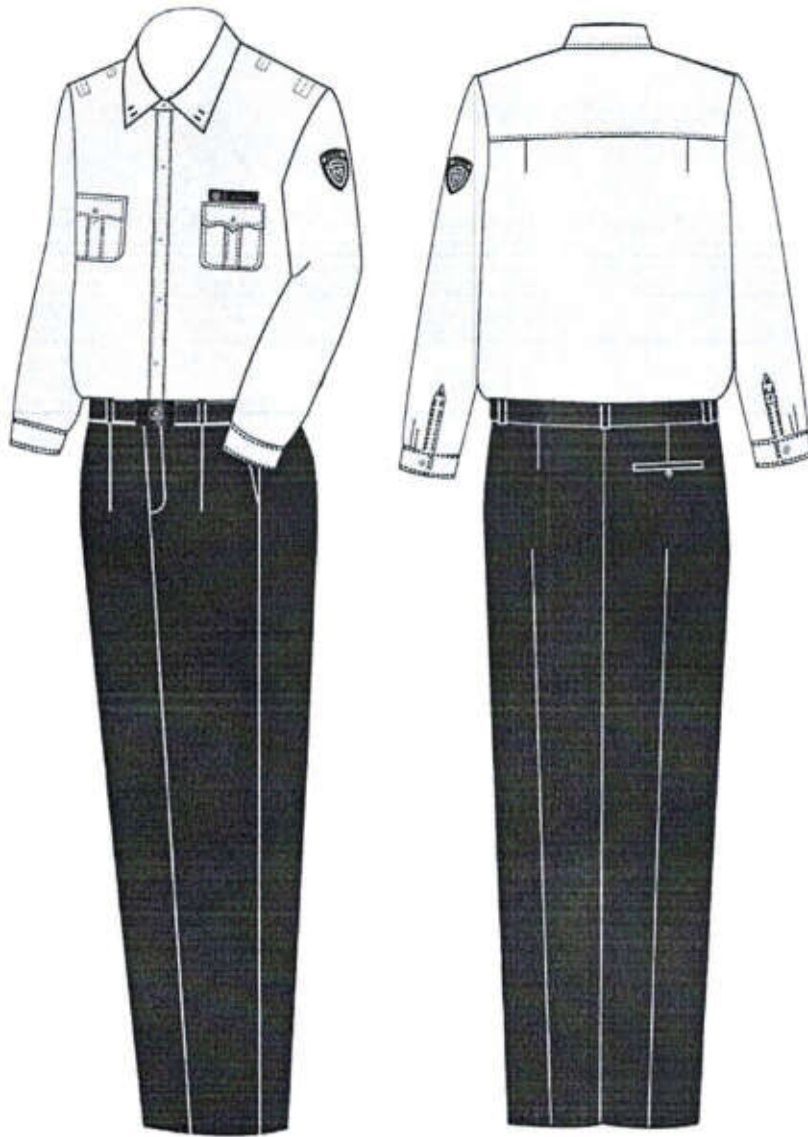
1. Áo sơ mi ngắn tay, áo sơ mi dài tay, áo sơ mi mặc trong áo khoác mùa đông cho nam: Hình 1a. Áo sơ mi ngắn tay cho nam



Thân trước

Thân sau

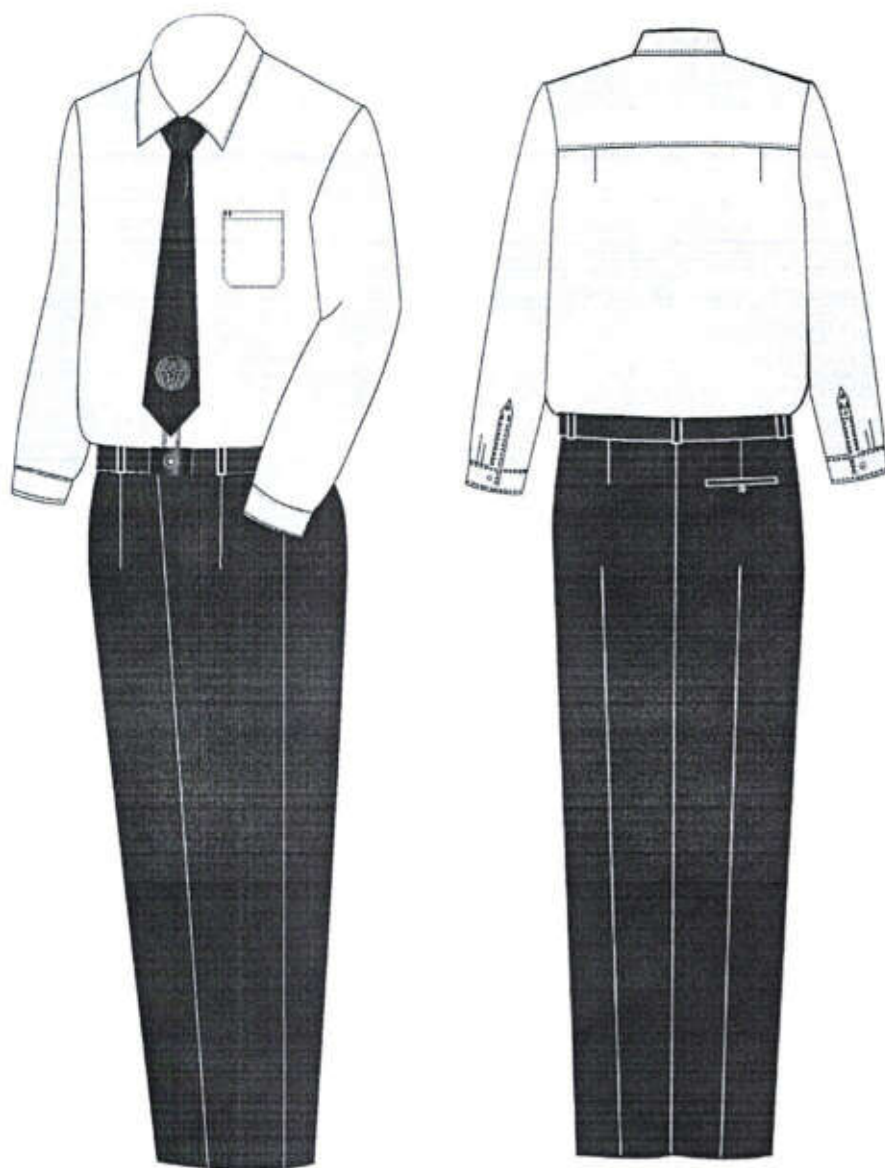
Hình 1b. Áo sơ mi dài tay cho nam



Thân trước

Thân sau

Hình 1c. Áo sơ mi mặc trong áo khoác cho nam

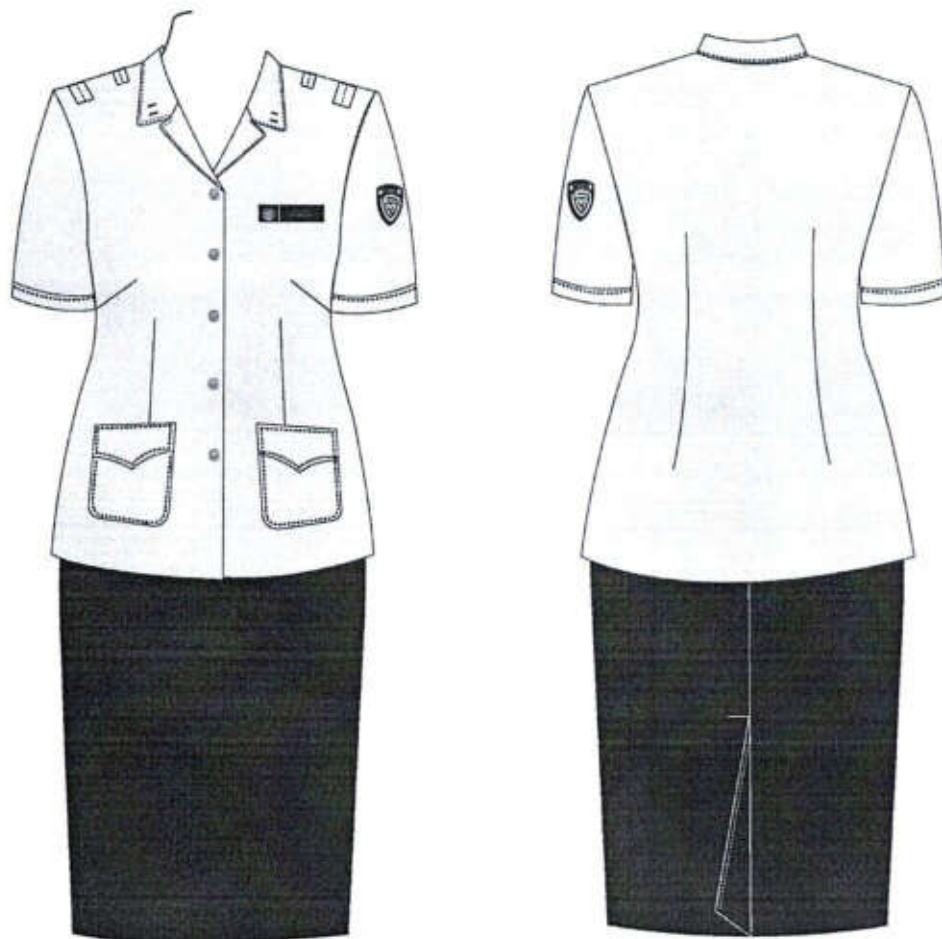


Thân trước

Thân sau

2. Áo sơ mi ngắn tay, áo sơ mi dài tay, áo sơ mi mặc trong áo khoác mùa đông cho nữ:

Hình 2a. Áo sơ mi ngắn tay



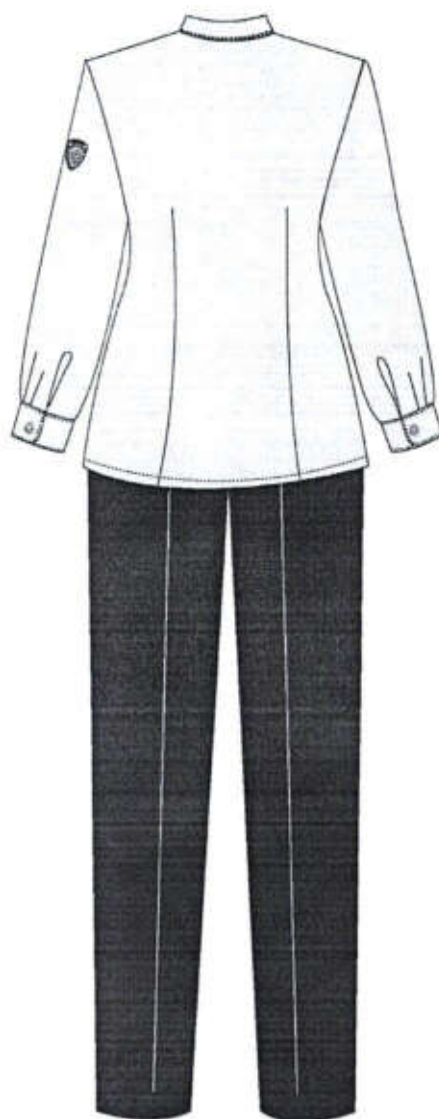
Thân trước

Thân sau

Hình 2b. Áo sơ mi dài tay

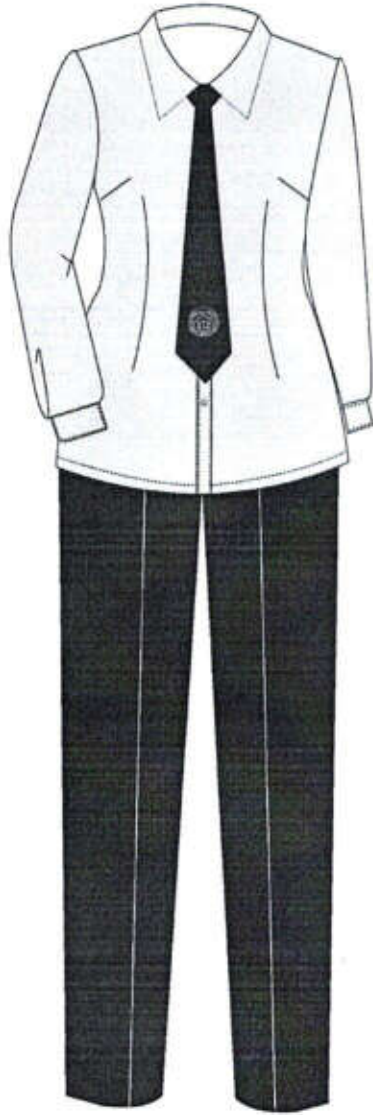


Thân trước

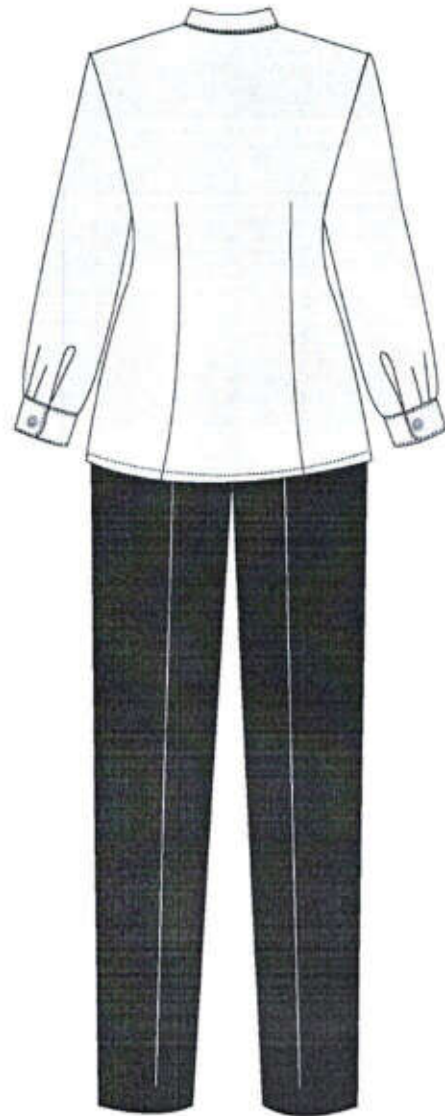


Thân sau

Hình 2c. Áo sơ mi mặc trong áo khoác



Thân trước



Thân sau

3. Hình 3. Áo khoác cho nam



Thân trước



Thân sau

4. Hình 4. Áo khoác cho nữ



Thân trước



Thân sau

5. Áo măng tô, áo gi-lê, áo gió

Hình 5a. Áo măng tô



Thân Trước

Thân sau

Hình 5b. Áo Ghi lê



Thân trước



Thân sau

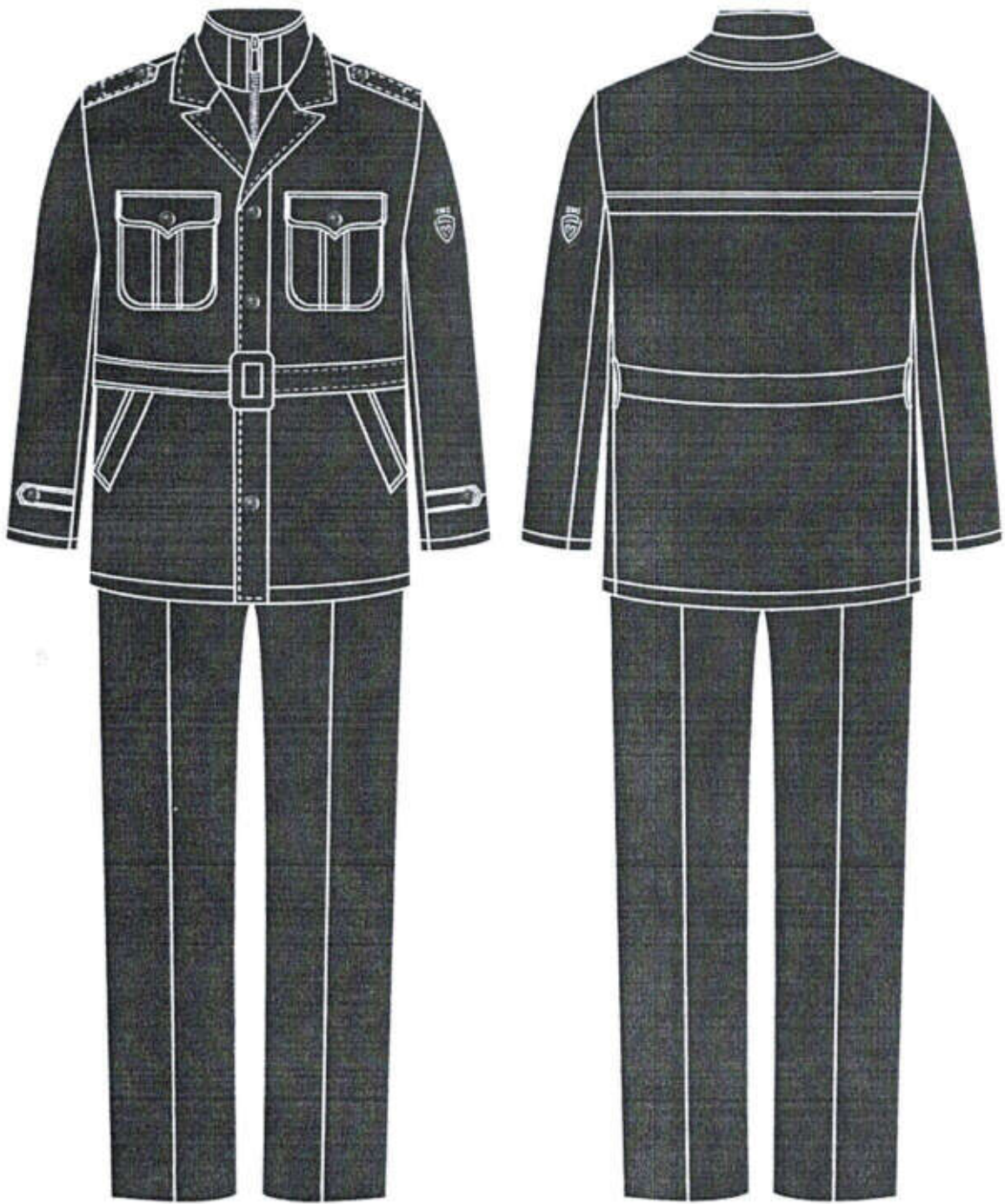
Hình 5c. Áo gió



Thân trước

Thân sau

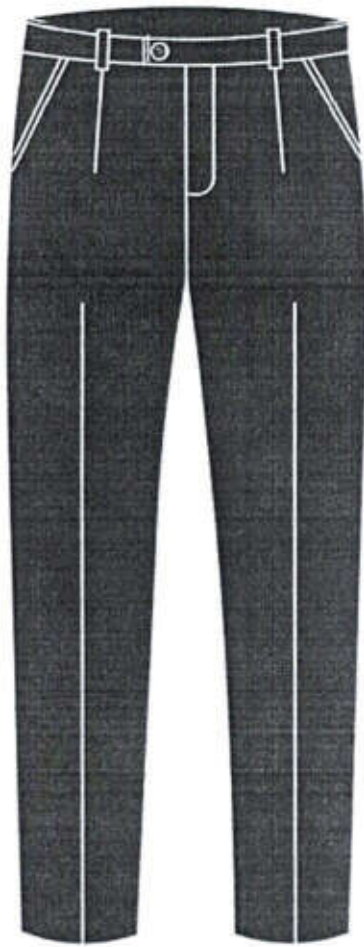
6. Hình 6. Áo bông



Thân trước

Thân sau

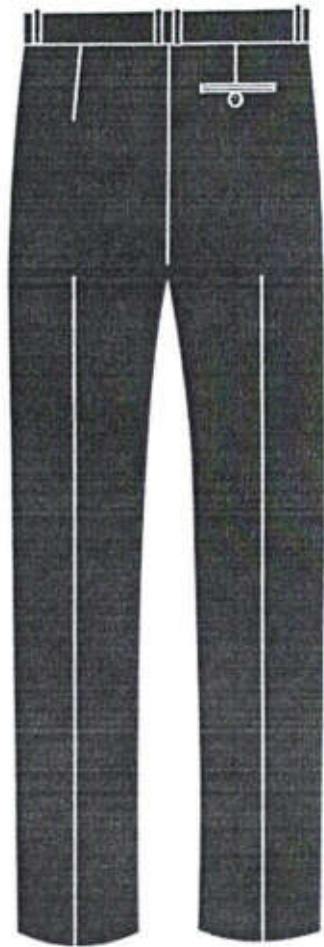
7. Hình 7. Quần âu cho nam



Thân trước

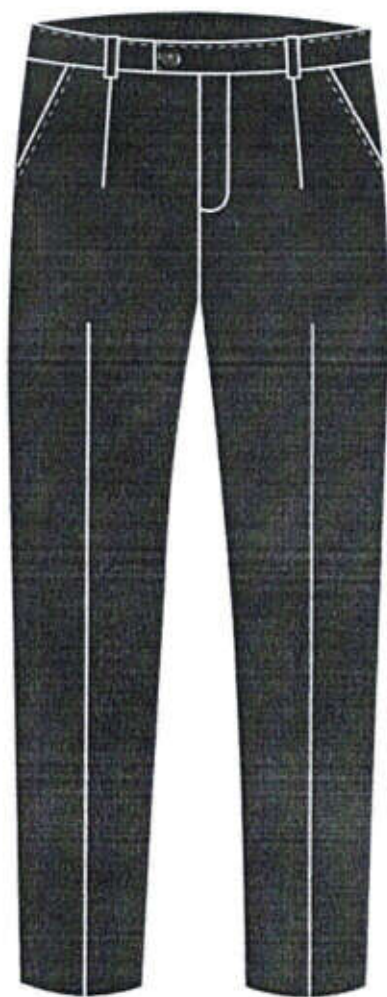


Thân sườn



Thân sau

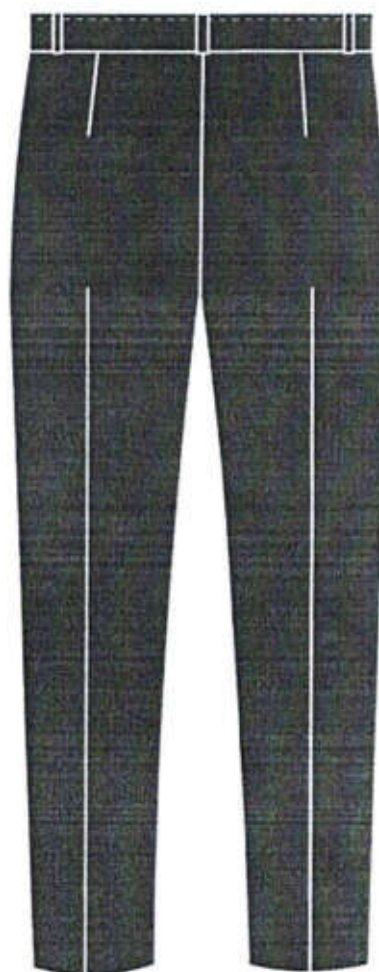
8. Hình 8. Quần âu cho nữ



Thân trước



Thân sườn

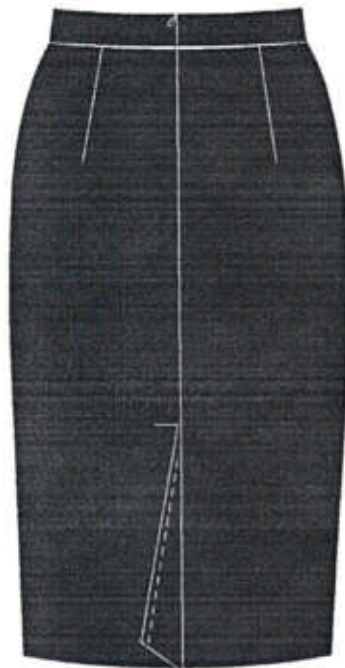


Thân sau

9. Hình 9. Chân váy



Thân Trước



Thân Sau

10. Mũ kê-pi cho nam, mũ mềm cho nữ, mũ bông và cà vạt

Hình 10a. Mũ kê-pi cho nam



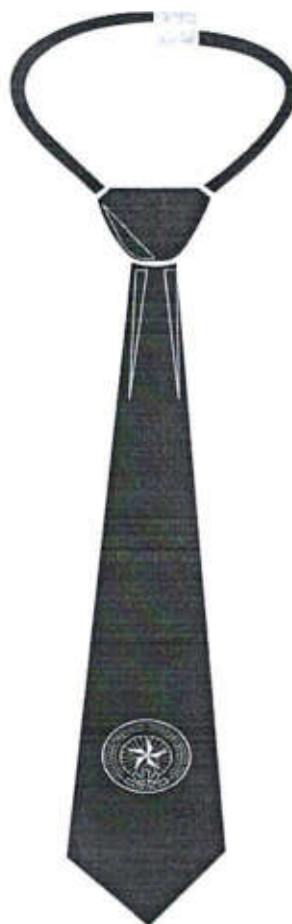
Hình 10b. Mũ mềm cho nữ



Hình 10c. Mũ bông

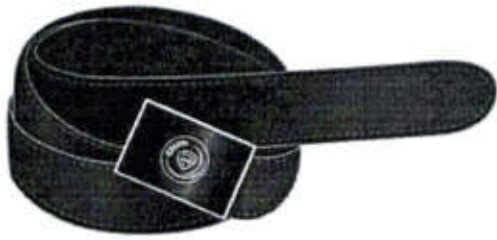


Hình 10d. Cà vạt

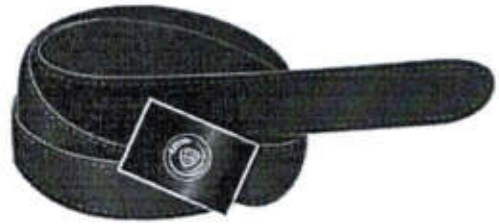


11. Thắt lưng

Hình 11a. Thắt lưng nam



Hình 11b. Thắt lưng nữ

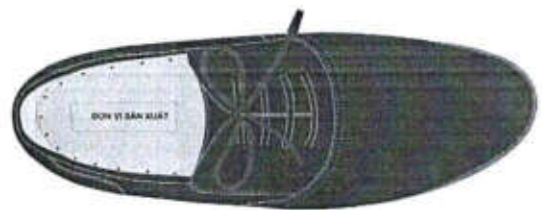


12. Giày da

Hình 12a. Giày da cho nam:



MẶT BÊN GIÀY (MÃ NGOÀI)



MẶT TRƯỚC GIÀY



MẶT DÈ GIÀY

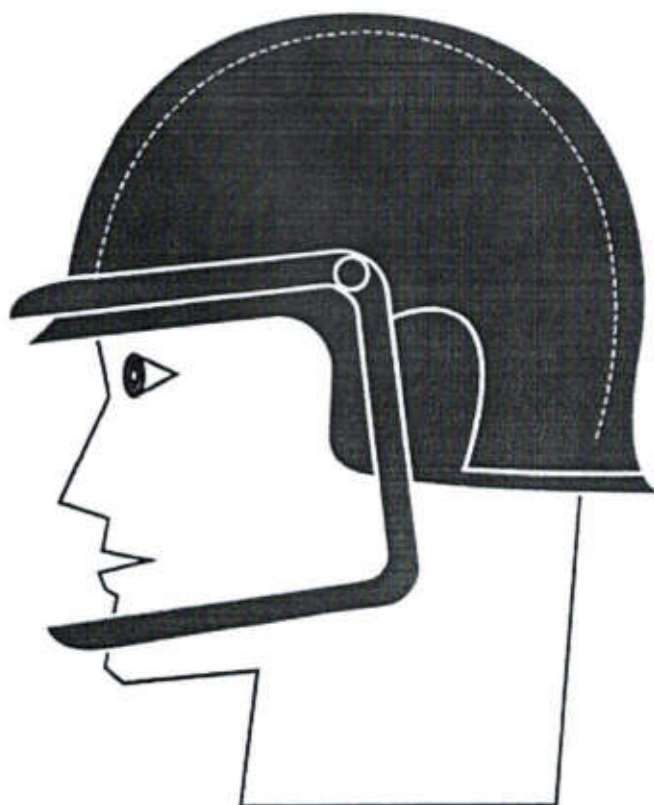
Hình 12b. Giày da cho nữ:



13. Tất



14. Hình 14. Mũ bảo hiểm



15. Hình 15. Cặp tài liệu

